

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của ngành Y tế.

Phần 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. VỀ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế, sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành, đoàn thể và chính quyền các địa phương; ngành Y tế đã nỗ lực phấn đấu, thực hiện đạt và vượt 6/6 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu về y tế - dân số của tỉnh năm 2022.

Bảng 1: Kết quả thực hiện 6 chỉ tiêu KT-XH của tỉnh về lĩnh vực y tế - dân số

T T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Kết quả năm 2022		Mức độ hoàn thành kế hoạch
				Thực hiện	So với kế hoạch	
1	Giường bệnh kế hoạch/ vạn dân					
a	Tổng số giường bệnh kế hoạch	Giường	5.270	5.274	↑ 04	
	- GBKH tỉnh quản lý	Giường	4.400	4.436	↑ 36	
	- GBKH các bộ, ngành quản lý	Giường	870	838	↓ 32	
b	Giường bệnh kế hoạch toàn tỉnh tính trên vạn dân	Giường	35,0	35,05	↑ 0,05	Vượt
2	Dân số tham gia bảo hiểm y tế					
a	Số người dân có thẻ BHYT	Người	1.444.114	1.444.400	↑ 286	
b	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	96,0	96,0	100%	Đạt
3	Trạm y tế có bác sỹ					
a	Số Trạm y tế có bác sỹ làm việc	Trạm	159	159		
b	Tỷ lệ Trạm y tế có bác sỹ làm việc	%	100	100	100%	Đạt
4	Xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế					
a	Số xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia y tế	ĐVHC	159	159		
b	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia y tế	%	100	100	100%	Đạt
5	Duy trì mức sinh thay thế của phụ nữ độ tuổi sinh đẻ					
a	Tỷ suất sinh thô	‰	14,5	13,3	↓ 1,2	

b	Mức sinh thay thế (mỗi phụ nữ độ tuổi sinh để có 2,0-2,2 con)		Duy trì	Duy trì	100%	Đạt
6	Trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân					
a	Số trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	Trẻ	7.665	7.478	↓ 187	
b	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	7,8	7,61	102,6%	Vượt

II. VỀ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành của Sở Y tế

- Tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật, chính sách quan trọng của tỉnh về lĩnh vực y tế - dân số để tổ chức triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và phát triển ngành Y tế; cụ thể:

+ Các giải pháp tiếp tục phòng, chống dịch COVID-19 và thực hiện Nghị quyết số 128-NQ/CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh;

+ Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành Quyết định về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025;

+ Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành Quyết định về điều chỉnh chỉ tiêu tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế năm 2022 và đến năm 2025;

+ Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định về Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;....

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng báo cáo chuyên đề về "Việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng" theo yêu cầu của Đoàn giám sát Quốc hội khoá XV, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Định.

- Chủ động báo cáo và đề xuất các nhiệm vụ công tác của Ngành để Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện; đồng thời tích cực triển khai các giải pháp nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Ngành.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác đạt hiệu quả; tiếp tục cải tiến các quy trình chuyên môn, quản lý và triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng giải quyết các thủ tục hành chính trong phục vụ, cung ứng dịch vụ y tế đến người dân.

- Tổ chức tốt công tác phổ biến, tuyên truyền và giáo dục pháp luật. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định pháp luật và thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại các đơn vị trực thuộc.

- Triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch, phong trào thi đua trong toàn Ngành về các chủ đề: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; Thực hiện dân chủ trong các hoạt động tại cơ sở; Thực hiện Quy tắc

ứng xử và đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế; Xây dựng cơ sở y tế “xanh, sạch, đẹp”; Giảm thiểu các sản phẩm nhựa sử dụng 1 lần và túi nilon khó phân hủy, tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải;... nhằm hướng tới sự hài lòng, tin tưởng của người bệnh và người dân đối với ngành Y tế.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc duy trì thực hiện “số điện thoại nóng” và “hòm thư góp ý” để tiếp nhận, tư vấn và kịp thời giải quyết vướng mắc, kiến nghị của người dân về thủ tục hành chính, chất lượng cung ứng dịch vụ và phong cách, thái độ phục vụ của công chức, viên chức, nhân viên y tế.

2. Công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số y tế

- Sở Y tế đã xây dựng, ban hành 06 kế hoạch, 04 văn bản để triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của ngành Y tế; tham mưu UBND tỉnh ban hành 01 kế hoạch xây dựng, phát triển các nền tảng số y tế áp dụng tại tỉnh phục vụ cho chuyển đổi số y tế quốc gia. Tổ chức kiểm tra tại 09 đơn vị trực thuộc Sở về công tác cải cách hành chính, vượt chỉ tiêu kế hoạch. Trình UBND công bố 16 thủ tục hành chính (08 mới, 03 sửa đổi, 05 bãi bỏ); số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế: 123 thủ tục (21 thủ tục trực tuyến toàn trình, 68 thủ tục trực tuyến một phần, 32 thủ tục mức độ 2), tăng 08 thủ tục so với năm 2021. Kịp thời cập nhật, công khai và thực hiện các thủ tục hành chính đúng theo quy định.

- Thực hiện đúng quy trình tiếp nhận, trả hồ sơ hành nghề y, dược tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh. Số hồ sơ đã tiếp nhận, giải quyết: 2.498 (tăng 1.136 hồ sơ so với năm 2021). Cập nhật đầy đủ thông tin lên Hệ thống quản lý quốc gia 10.126 hồ sơ cấp chứng chỉ khám chữa bệnh, 1.175 hồ sơ cấp giấy phép hoạt động khám chữa bệnh, 1.877 hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề dược, 4.070 hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược. Công khai danh sách 999 cơ sở hành nghề khám, chữa bệnh trên Trang thông tin điện tử Sở Y tế.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, dự phòng, quản lý sức khỏe điện tử công dân, thanh toán chi phí các dịch vụ y tế,... và triển khai thực hiện chuyển đổi số y tế. Sở Y tế được UBND tỉnh xếp mức Tốt về công nghệ thông tin.

- Phối hợp với Công an tỉnh, BHXH tỉnh triển khai đúng tiến độ, có hiệu quả các nhiệm vụ trong lĩnh vực y tế thuộc Đề án 06 (về Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030):

+ Rà soát, xác minh, xác thực thông tin các đối tượng tiêm chủng vắc xin COVID-19 bị sai, thiếu dữ liệu; cập nhật, bổ sung lên nền tảng quản lý tiêm chủng COVID-19 để phục vụ kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Thực hiện ký số điện tử chứng nhận tiêm chủng trên Cổng thông tin tiêm chủng COVID-19 phục vụ việc cấp “Hộ chiếu vắc xin” cho người dân.

+ Triển khai thí điểm khám chữa bệnh BHYT bằng thẻ CCCD gắn chip tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

+ Liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe tại các cơ sở khám chữa bệnh lên cổng Dịch vụ công của tỉnh, của quốc gia.

- Thực hiện tốt việc quản lý chứng thư số, sử dụng ký số trên hệ thống văn phòng điện tử liên thông. Trong năm, Sở Y tế đã tiếp nhận 46.104 văn bản; ban hành 9.689 văn bản các loại (*Tờ trình: 4.625, Quyết định: 2.930, Báo cáo: 809, Kế hoạch: 104, Công văn và các loại văn bản hành chính khác: 5.024*).

Bảng 2: Một số kết quả về hoạt động chỉ đạo điều hành và cải cách TTHC

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Năm 2022	
				Thực hiện	So với năm 2021
1	Số nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và theo dõi, Sở Y tế đã thực hiện hoàn thành	Nhiệm vụ		95	
2	Số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế	Thủ tục	115	123	↑ 08
3	Số hồ sơ đã tiếp nhận và giải quyết xong tại TT Phục vụ Hành chính công	Hồ sơ	1.362	2.498	↑ 1.136
4	Số lượng văn bản Sở Y tế đã tiếp nhận	Văn bản	50.021	46.104	↓ 3.917
5	Số lượng văn bản Sở Y tế đã ban hành	Văn bản	11.174	9.689	↓ 1.485

3. Công tác tổ chức bộ máy và quản lý, đào tạo nhân lực y tế

- Nhân lực y tế thuộc tỉnh quản lý: 6.049 người, đạt 40,2 người/ vạn dân; trong đó, số bác sĩ: 1.099, đạt 7,3 bác sĩ/ vạn dân; số dược sĩ đại học: 125, đạt 0,8 dược sĩ/ vạn dân. Số trạm y tế có bác sĩ công tác: 159, đạt tỷ lệ 100%.

- Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Y tế, 06 bệnh viện tuyến tỉnh, 02 trung tâm chuyên ngành tuyến tỉnh và 11 Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố.

- Ban hành các Quyết định về Quy chế làm việc của Sở Y tế; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, Văn phòng Sở, Thanh tra Sở Y tế. Các đơn vị trực thuộc ban hành Quyết định quy định chức năng của các khoa, phòng.

- Triển khai công tác quy hoạch công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của toàn Ngành giai đoạn 2026-2031. Việc bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với 69 công chức, viên chức tại các đơn vị trực thuộc.

- Triển khai kịp thời thủ tục nâng bậc lương thường xuyên, trước thời hạn; phụ cấp thu hút, ưu đãi nghề; điều chỉnh chức danh nghề nghiệp phù hợp với vị trí việc làm cho công chức, viên chức y tế đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định.

- Phối hợp Sở Nội vụ trình cấp có thẩm quyền ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh và Quyết định UBND tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016 - 2021. Trình UBND tỉnh phê duyệt 17 bác sĩ trúng tuyển thuộc đối tượng được hưởng chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ của tỉnh.

- Hoàn thành tuyển dụng bác sĩ, dược sĩ đại học và đang tiến hành tuyển dụng viên chức chuyên ngành y tế khác (tổ chức thi vòng 2 vào tháng 2/2023).

- Cử 06 công chức, viên chức dự thi nâng ngạch chuyên viên chính do

UBND tỉnh tổ chức (*thi đạt: 05*). Cử 19 viên chức dự thi thăng hạng CDNN viên chức y tế từ hạng III lên hạng II (*thi đạt: 17*); 04 viên chức dự thi thăng hạng CDNN viên chức y tế từ hạng II lên hạng I (*thi đạt: 04*) do Bộ Y tế tổ chức.

- Tổng hợp nhu cầu và xây dựng Đề án xét thăng hạng CDNN đối với 384 viên chức chuyên ngành y tế từ hạng IV lên hạng III để trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện vào đầu năm 2023.

- Cử 182 công chức, viên chức đi đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (*BSCKII: 05, BSCKI: 74, thạc sĩ: 09, ĐH Y liên thông: 16, Cao đẳng: 09, Cao cấp chính trị: 09, Trung cấp chính trị: 52, QLNN: 08*).

- Chuyển xếp loại 1.040 viên chức y tế trình độ cao đẳng điều dưỡng, kỹ thuật y, hộ sinh, dinh dưỡng, dân số theo quy định Thông tư số 03/2022/TT-BYT.

- Tham mưu UBND tỉnh xét duyệt và đề nghị Chính phủ phong tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân” cho 02 cá nhân, “Thầy thuốc ưu tú” cho 13 cá nhân.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan tổ chức Hội nghị biểu dương các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong công tác phòng, chống dịch COVID-19; có 77 tập thể, 147 cá nhân đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu được tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Lập thủ tục nghỉ hưu theo chế độ 79 người (*đúng tuổi: 74, trước tuổi do suy giảm khả năng lao động: 03, tinh giảm biên chế: 02*), thôi việc theo nguyện vọng: 44 người (*bác sĩ: 20; điều dưỡng: 12; dược: 01; y sĩ: 06; khác: 05*).

- Thi hành kỷ luật 19 viên chức (*buộc thôi việc: 03, cảnh cáo: 01, khiển trách: 15*).

4. Bảo hiểm y tế và quản lý sức khỏe

- Phối hợp BHXH tỉnh tham mưu đề xuất HĐND, UBND tỉnh triển khai các giải pháp phát triển BHYT toàn dân; giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHYT năm 2022 cho các địa phương; thực hiện giám sát, kiểm tra công tác khám bệnh, chữa bệnh BHYT tại một số cơ sở y tế.

- Hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở y tế tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo quyền lợi người bệnh có thẻ BHYT; cung cấp dữ liệu khám chữa bệnh phục vụ tính toán quỹ định suất và theo nhóm chẩn đoán liên quan (DRG) lên hệ thống hỗ trợ ra quyết định phương thức chi trả của Bộ Y tế.

- Phối hợp BHYT tỉnh giám sát, kiểm tra công tác khám bệnh, chữa bệnh BHYT tại một số cơ sở y tế; hướng dẫn và liên thông dữ liệu phục vụ cho khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí BHYT đối với các bệnh nhân nghi nhiễm và bị nhiễm COVID-19.

- Thực hiện việc cập nhật dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh vào phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử công dân, có khoảng 98% dân số toàn tỉnh đã được cập nhật thông tin cơ bản vào hồ sơ sức khỏe điện tử.

5. Công tác xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị y tế

- Đối với các công trình XDCC do Sở Y tế làm chủ đầu tư:

+ Hoàn thành nghiệm thu, đưa vào sử dụng công trình Mở rộng Bệnh viện Mắt (giai đoạn 1); Sửa chữa, cải tạo các hạng mục: khoa Lao, khoa Bệnh phổi, khoa Chẩn đoán hình ảnh - xét nghiệm – Bệnh viện Lao và Bệnh phổi.

+ Hoàn thành tổ chức đấu thầu, ký hợp đồng và triển khai thi công công trình Bệnh viện Tâm thần.

+ Hoàn thành thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư, trình thẩm định BCKTKT đầu tư xây dựng các công trình của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi. Sở Y tế đang làm việc với phòng Cảnh sát PCCC để thẩm duyệt hồ sơ thiết kế PCCC.

- *Đối với các công trình XD/CB do Bệnh viện đa khoa tỉnh làm chủ đầu tư:*

+ Hoàn thành nghiệm thu và đưa vào sử dụng các hạng mục: Cải tạo, sửa chữa Nhà mổ thuộc Khoa Phẫu thuật – GMHS; Cải tạo, sửa chữa Khu làm việc hành chính, tường rào công nghệ; Cải tạo, xây dựng hành lang cầu nối toàn bộ các khoa, phòng; Cải tạo cảnh quan, sân vườn, đường nội bộ.

+ Hoàn thành tổ chức đấu thầu, ký hợp đồng và triển khai thi công các hạng mục: Xây mới Nhà lắp đặt máy xạ trị gia tốc; Cải tạo, sửa chữa nhà Nội – Nhi; Sửa chữa, chống thấm dột, sàn thay mái tôn và sửa chữa khu vệ sinh các khoa Ngoại tiết niệu, Ngoại tổng hợp, Ngoại chấn thương - bỏng và khoa Ung bướu.

+ Trình phê duyệt thiết kế cơ sở hạng mục Cải tạo, sửa chữa khoa Khám bệnh và phê duyệt Báo cáo NCKT dự án mua sắm 01 hệ thống máy xạ trị gia tốc.

- *Đối với các công trình XD/CB do Ban quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp tỉnh làm chủ đầu tư:*

+ Hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng hạng mục: Khu điều trị và chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng công trình Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định.

+ Hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng dự án: Cải tạo hệ thống điện của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định

+ Hoàn thành phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (phần mở rộng); Hạng mục: Khu điều trị hệ Ngoại, Sản, Phẫu thuật gây mê hồi sức và các hạng mục phụ trợ; đang làm việc với phòng Cảnh sát PCCC để thẩm duyệt hồ sơ PCCC công trình.

+ Hoàn thành phê duyệt chủ trương đầu tư, hoàn thành góp ý thiết kế cơ sở PCCC cho 5 Trung tâm y tế thuộc dự án: Đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bình Định, đang trình Sở Xây dựng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

- Thực hiện thẩm định, phê duyệt KHLCNT và phối hợp Sở Tài chính tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt KHLCNT cho các đơn vị trực thuộc triển khai đấu thầu mua sắm trang thiết bị y tế từ nguồn ngân sách cấp.

6. Công tác quản lý tài chính

- Kịp thời phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính trong toàn Ngành.

- Thực hiện lập và phân bổ kinh phí năm 2022 phù hợp cho từng lĩnh vực, từng tuyến, từng đơn vị; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cấp cho y tế dự phòng, y tế tuyến cơ sở, các vùng khó khăn. Công khai dự toán kinh phí năm 2022, xét duyệt quyết toán năm 2021 nghiêm túc, đúng quy định.

- Tổ chức quản lý và sử dụng ngân sách, thu - chi tài chính đúng theo định mức, tiêu chuẩn hiện hành; tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện quy

trình mua sắm, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả.

- Tăng cường quản lý tài sản công trong toàn ngành; thực hiện Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; phối hợp chặt chẽ với liên ngành để xác định hiện trạng tài sản công trước khi sửa chữa, điều chuyển, thanh lý...

- Thực hiện quản lý và sử dụng viện trợ y tế theo quy định; thường xuyên tổng hợp các nguồn viện trợ đưa vào cân đối nguồn lực chung toàn ngành

- Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị trực thuộc triển khai cập nhập dữ liệu vào hệ thống quản lý chi ngân sách tiền lương vào cổng dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hướng dẫn, đôn đốc các bệnh viện tuyến tỉnh, TTYT tuyến huyện triển khai sử dụng hóa đơn điện tử và các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tổng hợp, báo cáo nhu cầu kinh phí chi phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19. Trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh phê duyệt, cấp bổ sung kinh phí để thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh năm 2022. Rà soát, tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ chi trả tiền lương do ảnh hưởng của dịch COVID-19 đối với các cơ sở điều trị.

- Triển khai thực hiện các văn bản về thu, chi liên quan đến dịch bệnh COVID-19. Thực hiện cấp kinh phí bổ sung cho các đơn vị kịp thời để thanh toán chi phí và phụ cấp phòng chống dịch; thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.

- Cập nhật dữ liệu vào hệ thống phần mềm quản lý ngân sách nhà nước và hệ thống phần mềm báo cáo tài chính trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Tính toán, rà soát, xử lý đối với kinh phí thực hiện theo kết luận của Kiểm toán NSNN năm 2021; điều chỉnh giảm dự toán đối với kinh phí tạm ứng tiền lương năm 2021; kinh phí ngân sách nhà nước đã tạm cấp cho một số đơn vị có nguồn thu thấp (Bệnh viện Lao và Bệnh phổi; Bệnh viện Tâm thần; TTYT các huyện: Phù Mỹ, Hoài Ân, An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh) để thực hiện chi trả tiền lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp đã được giao dự toán đầu năm và cấp bổ sung trong năm 2021 theo cách xác định mức hỗ trợ quy định tại Quyết định số 16/2022/QĐ-TTg về việc hỗ trợ chi thường xuyên cho các cơ sở y tế công lập thu không đủ chi do tác động của dịch COVID-19; kinh phí nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các trạm y tế xã còn thừa hết nhiệm vụ chi nộp trả ngân sách theo kết quả xét duyệt quyết toán năm 2021.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng phương án tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

7. Công tác bảo vệ môi trường và thực hiện cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp

- Kịp thời phổ biến, đôn đốc và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế.

- Phát động, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc triển khai các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường, Tuần lễ Biển và Hải đảo, Tháng hành động vì môi trường, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn...

- Hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở y tế triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, giảm phát sinh chất thải để hạn chế ô nhiễm môi trường (*như: mua mới máy x-quang kỹ thuật số thay cho máy dùng dung dịch hiện / hãm hình; chiếu sáng bằng đèn led thay cho đèn sợi đốt / huỳnh quang; ...*); đẩy mạnh hoạt động tái chế, tái sử dụng các loại chất thải không nguy hại (*như: các vỏ chai bằng nhựa / nhôm / thiếc, giấy / bì carton, thủy tinh, ...*).

- Thường xuyên theo dõi, giám sát hoạt động quản lý các loại chất thải y tế trên địa bàn tỉnh; nhất là việc phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời và xử lý triệt để chất thải có nguy cơ nhiễm SARS-CoV-2 tại các bệnh viện, các cơ sở cách ly y tế tập trung, các chốt kiểm dịch, các điểm lấy mẫu xét nghiệm tầm soát dịch COVID-19, các điểm tiêm chủng vắc xin và tại các hộ gia đình, nơi lưu trú có người cách ly, điều trị COVID-19; đảm bảo 100% chất thải y tế phát sinh hàng ngày được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường. Năm 2022, các cơ sở y tế đã thu gom, chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý gần 2.650 tấn chất thải rắn y tế thông thường; hơn 512 tấn chất thải rắn y tế nguy hại; có hơn 456.000m³ nước thải y tế phát sinh được xử lý trước khi xả thải ra môi trường

- Sở Y tế đã thành lập đoàn kiểm tra việc thực hiện cơ sở y tế “xanh - sạch - đẹp” tại 15 đơn vị trực thuộc; kết quả, 100% cơ sở được kiểm tra đều đạt mức “khá” trở lên; trong đó có 8 đơn vị đạt mức “tốt” (*tỷ lệ 53,3%*).

8. Thanh tra chuyên ngành và tiếp nhận, xử lý đơn thư

- Triển khai 01 cuộc thanh tra hành chính việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; chức trách, nhiệm vụ được giao trong công tác tiếp công dân; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán, quyết toán tại 02 đơn vị (*TTYT huyện Phù Mỹ, Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn*).

- Triển khai 17 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về việc chấp hành các quy định pháp luật trong phòng, chống dịch COVID-19; hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, tiêm vắc xin, kinh doanh thuốc và sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm, thực phẩm chức năng; các đợt kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì an toàn thực phẩm, ... (*trong đó: thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch: 13 cuộc, thanh tra đột xuất 04 cuộc*). Tiến hành thanh tra, kiểm tra 262 cơ sở, trong đó: 191 cá nhân và 71 tổ chức. Tổng số tổ chức, cá nhân vi phạm 27 cơ sở, với tổng tiền phạt vi phạm hành chính: 562.385.000 đồng.

- Thành lập Tổ kiểm tra công vụ của Sở Y tế tiến hành kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện đạo đức công vụ, văn hóa công sở tại 07 đơn vị trực thuộc (*Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Bệnh viện đa khoa tỉnh, TTYT thành phố Quy Nhơn, TTYT thị xã An Nhơn, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm*). Qua kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật và giờ giấc làm việc tại các đơn vị trong ngành.

- Tiếp nhận và kịp thời xử lý 14 đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân theo đúng quy định; trong đó: 07 đơn không đủ điều kiện xử lý và 07 đơn đủ điều kiện xử lý (*01 đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế và 06 đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế*).

III. VỀ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN CHỦ YẾU

1. Công tác phòng, chống dịch COVID-19

a) *Tình hình dịch COVID-19*

Sau thời gian hai tháng thực hiện chiến lược “thích ứng an toàn” theo Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ từ tháng 10/2021, số ca bệnh COVID-19 trong bốn tháng đầu năm 2022 tăng lên rất nhanh và đạt trung bình số ca mắc đến 1.025 ca/ngày, đến cuối tháng 4/2022 toàn tỉnh đã có 122.965 ca mắc, số tử vong 247 ca (trung bình 02 ca tử vong/ngày). Từ tháng 5/2022 trở đi, số ca mắc mới bắt đầu giảm nhanh với tổng số ca là 2.314 (trung bình 09 ca/ngày), số tử vong: 07 ca.

Đến nay, tình hình dịch COVID-19 trong nước và trong tỉnh cơ bản đã ổn định, đời sống nhân dân đã trở lại bình thường. Công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh đã và đang được duy trì thực hiện tốt. Đến ngày 31/12/2022, toàn tỉnh ghi nhận 141.296 trường hợp mắc COVID-19, 317 trường hợp tử vong (*tỷ lệ 0,22%*); tính riêng năm 2022 có 125.295 trường hợp mắc, 256 trường hợp tử vong (*tỷ lệ 0,20%*).

b) *Hoạt động phòng, chống dịch COVID-19*

Triển khai kịp thời, hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch, đảm bảo hoàn thành tốt các mục tiêu đảm bảo “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19” với tinh thần đặt sự an toàn, sức khỏe, tính mạng của nhân dân lên trên hết. Một số hoạt động chính gồm:

- Hoạt động truy vết, ngăn chặn dịch xâm nhập và cách ly: tổng số trường hợp đã thực hiện cách ly tập trung gần 20.000 người; cách ly tại nhà hơn 220.000 người.

- Hoạt động xét nghiệm: Sở Y tế đã huy động, điều phối nhân lực hỗ trợ cho các địa phương trong tỉnh thực hiện xét nghiệm; đã hướng dẫn tổ chức thực hiện xét nghiệm phù hợp theo từng giai đoạn; kết hợp rất hiệu quả giữa thực hiện test nhanh và RT-PCR.

- Hoạt động điều trị: Các cơ sở khám chữa bệnh trong tỉnh đã được huy động tối đa công suất, đã thực hiện tiếp nhận, thu dung và điều trị bệnh nhân COVID-19. Khi dịch bệnh lan rộng, tỉnh đã mở rộng các cơ sở thu dung, điều trị cho các trường hợp mắc thể nhẹ, không triệu chứng tại ký túc xá, cơ quan, trường học; triển khai điều trị F0 tại nhà với sự thiết lập 83 trạm y tế lưu động tại các địa bàn trọng điểm.

c) *Tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19*

- Đến nay tỉnh đã được cấp 3.864.144 liều vắc xin phòng COVID-19, sử dụng 3.858.348 liều (*99,85%*); còn tồn 645 liều (*0,02%*); hủy do hết hạn 5.151 liều. Thực hiện tiêm chủng cho 03 nhóm tuổi theo hướng dẫn của Bộ Y tế:

+ Đối với nhóm 18 tuổi trở lên: tỷ lệ tiêm mũi 1 đạt 100%, mũi 2 đạt 99,2%, mũi nhắc 1 đạt 60,6%, mũi nhắc 2 đạt 82,1%;

+ Đối với nhóm 12 - 17 tuổi: tỷ lệ tiêm mũi 1 đạt 100%, mũi 2 đạt 100%, mũi nhắc lại đạt 59,2%;

+ Đối với nhóm 5 - 11 tuổi: tỷ lệ tiêm mũi 1 đạt 92,7%, mũi 2 đạt 68,9%.

2. Công tác y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật

a) Phòng, chống bệnh truyền nhiễm

- Duy trì tốt hoạt động điều tra, giám sát dịch tễ, kiểm dịch và quản lý đối tượng có nguy cơ; tăng cường dự báo và truyền thông về phòng, chống dịch bệnh tại cộng đồng. Chuẩn bị sẵn sàng thuốc, hóa chất, nhân lực, trang thiết bị và chủ động kịp thời, quyết liệt triển khai các giải pháp phòng, chống các loại dịch bệnh. Các ổ dịch và ca mắc bệnh được phát hiện sớm, xử trí kịp thời, không để lây lan trên diện rộng và không có ca tử vong.

+ Năm 2022 ghi nhận: 350 ổ dịch sốt xuất huyết, có 7.410 ca mắc, tăng gần 8 lần so với năm 2021 (35 ổ dịch, 935 ca mắc), không có tử vong; 234 ca bệnh tay chân miệng, không có tử vong; 02 ca bệnh sốt rét, không có tử vong; 02 trường hợp mắc và tử vong do bệnh dại; 820 ca bệnh cúm mùa, không có tử vong; 04 ca bệnh liệt mềm cấp, không có trường hợp dương tính với bại liệt.

- Giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ bệnh uốn ván sơ sinh (từ năm 2000), loại trừ bệnh phong (từ năm 2014); đến nay đã có 7/11 huyện, thị xã, thành phố được công nhận loại trừ bệnh sốt rét. Một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác như: cúm A, vi rút Zika, dịch hạch, bạch hầu... không có ca mắc.

b) Phòng, chống một số bệnh xã hội

(*) Phòng, chống bệnh phong:

- Trong năm không ghi nhận trường hợp mắc mới bệnh phong.

- Duy trì hoạt động quản lý, theo dõi, chăm sóc và hướng dẫn tự chăm sóc cho 162 bệnh nhân phong cũ.

- Thực hiện lắp dựng 03 pano và cấp phát 10.000 tờ rơi, 1.000 áp phích truyền thông. Tổ chức 07 lớp tập huấn về công tác phát hiện, quản lý và chăm sóc bệnh nhân phong tạo cộng đồng cho 200 viên chức y tế tuyến huyện và xã.

(*) Phòng, chống bệnh lao:

- Tổ chức giám sát công tác phòng, chống lao (định kỳ 02 lần/ tháng) tại tất cả các huyện, thị, thành phố và trại giam Kim Sơn; 24 lần giám sát thường xuyên xuống tuyến xã. Giám sát 100% xã, phường, thị trấn có bệnh nhân lao kháng thuốc đang điều trị.

- Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, các đài truyền thanh tuyến huyện, xã và tại cộng đồng, đặc biệt các vùng sâu, vùng xa, hải đảo, những nơi có sự tiếp cận hạn chế với các dịch vụ y tế về công tác phòng chống bệnh lao. Tổ chức các hoạt động truyền thông nhân Ngày Thế giới phòng, chống lao (24/3)

- Bệnh viện Lao và Bệnh phổi phối hợp với Trại giam Kim Sơn tổ chức 02 đợt khám sàng lọc phát hiện bệnh lao 3.027 lượt đối tượng; phối hợp với TTYT huyện Tuy Phước khám sàng lọc phát hiện bệnh lao 2.174 lượt đối tượng; Phối hợp với các đơn vị: Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Hảo, TTYT huyện Vĩnh Thạnh, TTYT huyện Vân Canh, TTYT huyện Tây Sơn khám sàng lọc bệnh lao trong cộng đồng.

(*) Bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng:

- Bệnh viện Tâm thần tổ chức tập huấn chuyên môn cho mạng lưới chăm

sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng (CSSKTTCD) 2 lớp với 118 học viên; tập huấn chuyên môn cho các bác sĩ ở các TTYT huyện, thị xã, thành phố để xác định người nghiện ma túy cho 117 người theo Nghị định 109/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 18/2021/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Kiểm tra giám sát 4 huyện, thành phố với 20 xã/phường.

(*) Phòng, chống HIV/AIDS:

- Thực hiện 33.321 mẫu xét nghiệm HIV (trong đó có 15.407 mẫu sàng lọc máu); tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật xét nghiệm 1.432 mẫu.

- Số nhiễm HIV mới phát hiện: 93 người, lũy kế (từ năm 1993): 1.252; số chuyển AIDS: 15 người, lũy kế: 729; số tử vong: 14 người, lũy kế: 509.

- Điều trị ARV cho 400 người nhiễm HIV; đồng nhiễm Lao và HIV: 04 người. Tư vấn 176 lượt và khám 88 lượt để đánh giá và chuyển tiếp điều trị ARV.

- Số bệnh nhân đang tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng Methadone: 39, tích lũy: 74 người; cấp phát thuốc: 14.070 lượt; khám: 843 lượt; tư vấn: 112 lượt.

c) Phòng, chống một số bệnh không lây nhiễm phổ biến

(*) Phòng, chống bệnh tăng huyết áp (THA) và đái tháo đường (ĐTĐ):

- Triển khai hoạt động TT-GDSK kết hợp với khám sàng lọc, phát hiện, quản lý điều trị bệnh THA và ĐTĐ tại 30 xã, phường, thị trấn.

- Duy trì khám định kỳ, kiểm tra huyết áp, tư vấn hàng tháng cho bệnh nhân THA và khám sàng lọc, sàng lọc cơ hội; phát hiện mới 1.619 bệnh nhân, quản lý 25.256 bệnh nhân, phát thuốc điều trị hàng tháng 8.922 bệnh nhân, điều trị đạt huyết áp mục tiêu 6.844 bệnh nhân.

- Duy trì hoạt động khám sàng lọc, ghi nhận, quản lý, điều trị ĐTĐ tại các địa bàn; phát hiện mới 727 bệnh nhân, quản lý 4.894 bệnh nhân, phát thuốc điều trị hàng tháng 2.364 bệnh nhân, điều trị đạt đường máu mục tiêu 1.481 bệnh nhân.

- Phát thanh trên loa truyền thanh cơ sở 04 lần/tháng, lồng ghép với tuyên truyền phòng chống bệnh không lây nhiễm khác: Cấp phát 7.500 tờ rơi, tờ gấp, treo khẩu hiệu tuyên truyền tại 30 Trạm y tế nhân “Ngày thế giới phòng chống tăng huyết áp” (17/5), “Ngày Thế giới phòng chống đái tháo đường” (14/11).

- Phối hợp Viện Pasteur Nha Trang tổ chức 02 lớp tập huấn về quản lý điều trị bệnh THA và ĐTĐ cho 135 cán bộ y tế tuyến huyện, xã.

(*) Phòng, chống bệnh Ung thư:

- Triển khai khám sàng lọc ung thư cổ tử cung tại 20 xã, phường, thị trấn; số người được khám: 3.844, trong đó VIA(+) 16 (tỷ lệ 0,42%).

- Duy trì hoạt động phát hiện sớm, ghi nhận, quản lý các loại ung thư tại 159 xã, phường, thị trấn và hoạt động khám sàng lọc, ghi nhận, phát hiện ung thư cổ tử cung tại 42 xã, phường, thị trấn; ghi nhận mới 253 bệnh nhân ung thư các loại; tổng số bệnh nhân được quản lý 2.367 người; thực hiện các hoạt động chăm sóc, giảm nhẹ cho người bệnh ung thư được quản lý tại cộng đồng.

- Tổ chức 01 lớp tập huấn về khám sàng lọc ung thư cổ tử cung cho 35 viên chức y tế tuyến huyện, xã; 01 đợt giám sát hoạt động khám sàng lọc ung thư cổ tử

cung tại 10 huyện, thị xã và 20 Trạm y tế xã, phường, thị trấn; 01 đợt điều tra tình hình mắc và tử vong do bệnh ung thư tại khu phố Bình Chương Nam, phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn.

d) Phòng, chống bệnh nghề nghiệp

- Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp tại 09 đơn vị; trong đó: khám, tư vấn và lập hồ sơ bệnh nghề nghiệp cho 238 người; đo chức năng hô hấp 186 người, đo thính lực 187 người.

- Tổ chức hội chẩn bệnh bụi phổi silic nghề nghiệp cho 32 công nhân lao động tại Xí nghiệp Vật liệu xây dựng Nhơn Hòa - Công ty Cổ phần Phú Tài.

- Quan trắc môi trường lao động cho 75 đơn vị (trong đó có 10 cơ sở y tế), tăng 24 đơn vị so với năm 2021; tổng số mẫu đo: 9.406 mẫu, số mẫu không đạt tiêu chuẩn là 175 mẫu chiếm tỷ lệ 1,86%.

- Triển khai các hoạt động tuyên truyền phòng chống bệnh bụi phổi silic, bệnh diếc nghề nghiệp ... trong đó tập trung chủ yếu tại các doanh nghiệp sản xuất, khai thác đá và chế biến vật liệu xây dựng, các doanh nghiệp khai thác mỏ, và sản xuất chế biến lâm sản.

e) Phòng chống tai nạn thương tích

- Hoàn thành xây dựng mô hình cộng đồng an toàn tại 02 xã Nhơn Mỹ và xã Nhơn Khánh (thị xã An Nhơn):

+ Tổ chức 01 lớp tập huấn hướng dẫn xây dựng và duy trì cộng đồng an toàn (40 người dự), 02 hội nghị triển khai xây dựng cộng đồng an toàn phòng chống TNTT (70 người dự), 02 lớp tập huấn hướng dẫn phân tích đánh giá và lập kế hoạch xây dựng cộng đồng an toàn phòng chống TNTT (70 người dự), 02 lớp tập huấn sơ cấp cứu, phòng chống TNTT (70 người dự).

+ Tổ chức 03 đợt điều tra đánh giá công nhận cộng đồng an toàn; tổng số hộ gia đình được điều tra: 4.275 hộ.

- Tổng số người bị tai nạn thương tích: 14.549 người (chết 110 người) trong đó nguyên nhân mắc và chết chủ yếu do tai nạn giao thông và đuối nước.

f) Hoạt động y tế trường học:

- Tổ chức 01 lớp tập huấn chuyên môn cho cán bộ chuyên trách ngành y tế, giáo dục. Giám sát điều kiện vệ sinh tại 66 trường học.

- Tổng số học sinh có sổ theo dõi sức khỏe và được thông báo về tình trạng sức khỏe cho gia đình/người giám hộ: 424.842 /445.448 học sinh, đạt tỷ lệ 95,3%.

- Số trường có tổ chức ăn bán trú/nội trú: 192 trường; Số trường có xây dựng thực đơn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý: 188 trường.

- Số trường có biên soạn tài liệu, nội dung truyền thông phù hợp với tình hình dịch bệnh của địa phương: 543 trường; Số trường có góc truyền thông giáo dục sức khỏe: 555 trường.

g) Hoạt động phòng chống tác hại của thuốc lá

- Tổ chức điều tra 2.400 phiếu điều tra cộng đồng, 50 phiếu tự điền, 5 cuộc thảo luận nhóm, 30 cuộc quan sát thực tế, 18 cuộc phỏng vấn sâu.

- Tổ chức 11 lớp tập huấn - Hội thảo thực hiện “Môi trường không thuốc lá”

có gần 500 người tham gia;

- Tổ chức 01 cuộc thi sáng tác áp phích phòng chống tác hại của thuốc lá với 306 tác phẩm tham gia.

- Hoạt động truyền thông đã triển khai trên nhiều kênh, nhiều hình thức khác nhau nhằm truyền tải có hiệu quả các thông điệp, bài giáo dục sức khỏe, phòng, chống tác hại thuốc lá đến từng nhóm đối tượng.

Các hoạt động y tế dự phòng khác (*phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính - COPD, rối loạn thiếu iốt, phòng chống mù lòa, nước sạch và vệ sinh môi trường,..*) được ngành Y tế phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan triển khai đúng tiến độ, đạt yêu cầu đề ra. Công tác phòng, chống thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu được chú trọng, chủ động triển khai các biện pháp để ứng phó kịp thời. Hoạt động quân - dân y kết hợp trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, khắc phục hậu quả thiên tai được duy trì có hiệu quả.

3. Chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

a) Chăm sóc sức khỏe sinh sản

- Triển khai đầy đủ các hoạt động tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em đạt các chỉ tiêu: quản lý thai, khám thai, tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ có thai, CBYT đỡ đẻ, đẻ tại cơ sở y tế, chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ (EENC), chăm sóc sau sinh...

- Số lượt phụ nữ được khám phụ khoa 49.856; Số lượt phụ nữ được điều trị phụ khoa 21.808; (cùng kỳ 2021: 41.276 lượt khám/ 18.758 lượt điều trị).

- Truyền thông, tư vấn 1.138 lượt; Khám phụ khoa 152 ca; Điều trị 32 ca; Khám thai 261 ca cho các đối tượng trong độ tuổi vị thành niên.

- Phối hợp với TTYT 11 huyện/thị xã/thành phố tổ chức triển khai khám sàng lọc NKĐSS kết hợp khám sàng lọc phát hiện sớm ung thư cổ tử cung bằng phương pháp VIA, khám vú phát hiện các bệnh lý tuyến vú tại cộng đồng cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ tại 58 xã cho hơn 11.600 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

- Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

b) Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

- Triển khai các chiến dịch cho trẻ uống Vitamin A; tổ chức “Tuần lễ dinh dưỡng và phát triển”, “Tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ”; tổ chức các hoạt động TTGD về dinh dưỡng; triển khai hoạt động cân, đo trẻ.

- Tiếp nhận và phân phối 115.380 viên đa vi chất dinh dưỡng cho 427 phụ nữ mang thai tại 03 huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão theo hướng dẫn của Viện Dinh dưỡng.

- Tổ chức 16 lớp tập huấn kiến thức cho 800 phụ nữ mang thai và người chăm sóc trẻ từ 0-24 tháng tuổi trên toàn tỉnh.

- Tiến hành điều tra, thống kê đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (30 xã) theo kế hoạch của Viện Dinh dưỡng.

- Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Dự án 3 – Cải thiện dinh dưỡng và Dự án 7 – Giám sát đánh giá thực hiện chương trình, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

Bảng 3: Một số chỉ số hoạt động về YTDP, CSSKSS và cải thiện dinh dưỡng trẻ em

T T	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kết quả năm 2022	
				Thực hiện	So với năm 2021
1	Số mắc bệnh sốt xuất huyết	Người	935	7.275	Tăng 6.340
2	Số mắc bệnh tay chân miệng	Người	308	234	Giảm 74
3	Số mắc bệnh sốt rét	Người	4	2	Giảm 02
4	Số mắc mới bệnh phong	Người	0	0	Duy trì
5	Số người nhiễm mới HIV	Người	107	91	Giảm 16
6	Số mắc mới bệnh lao phổi AFB ⁽⁺⁾	Người	326	376	Tăng 50
7	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thời kỳ thai nghén	%	97,2	99,2	Tăng 2,0%
8	Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm đầy đủ vắc xin phòng uốn ván	%	97,5	98,5	Tăng 1,0%
9	Số tử vong mẹ tính trên 100.000 trẻ đẻ sống	Người	3	1	Giảm 2
10	Tỷ lệ trẻ sơ sinh nhẹ cân (nặng < 2.500g)	%	3,2	2,7	Giảm 0,5
11	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 08 loại vắc xin	%	98,5	98,5	
12	Tỷ lệ trẻ được uống VitaminA	%	98,9	99,7	Tăng 0,8%
13	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	8,1	7,6	Giảm 0,5%
14	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	12,5	11,5	Giảm 1,0%

4. Công tác dân số

- Tăng cường triển khai các giải pháp để duy trì mức sinh thay thế, giảm chênh lệch giới tính khi sinh. Duy trì các hoạt động truyền thông, vận động kế hoạch hóa gia đình, lồng ghép thực hiện dịch vụ sức khỏe sinh sản tại cộng đồng.

- Tổ chức 02 đợt Chiến dịch tại 22 xã khó khăn và 32 xã thuộc vùng ven biển, đảo; 159 buổi truyền thông nói chuyện chuyên đề về mất cân bằng giới tính khi sinh; Hình thành 02 “Câu lạc bộ giáo dục tình dục toàn diện cho vị thành niên, thanh niên” của các trường THCS Lê Lợi và THPT Nguyễn Thái Học được ra mắt và đi vào hoạt động với 06 buổi sinh hoạt/Câu lạc bộ. Tư vấn tại các Trạm y tế cho 31.129 lượt; tại hộ gia đình cho 32.172 lượt cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ; tại cộng đồng cho 8.231 lượt hội viên, đoàn viên là vị thành niên, thanh niên và phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

- Tổ chức 11 hội nghị phổ biến về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai cho 400 đại biểu các phòng, ban cấp huyện; 159 buổi truyền thông nói chuyện chuyên đề về tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; 159 buổi truyền thông nói chuyện chuyên đề

Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. 9 lớp tập huấn hướng dẫn Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022 của Bộ Y tế và phần mềm MIS 2022 cho 33 viên chức dân số cấp huyện trong tháng 9/2022. Có 123/159 viên chức dân số của cấp xã đã thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định của Thông tư này. Việc in và cấp sổ A0 được thực hiện ở 143/159 xã, phường, thị trấn

- Đăng tải 21 clip có nội dung về hoạt động dân số trên Facebook và Tiktok; tổ chức 4.897 buổi nói chuyện chuyên đề cho 31.152 người là hội viên, đoàn viên của Hội Phụ nữ, Hội Nông dân và Đoàn thanh niên tại địa phương.

- Sửa chữa là làm mới 33 panô; cấp phát 16.520 tờ rơi về các nội dung tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.

Bảng 4: Một số chỉ số hoạt động về công tác dân số

T T	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kết quả năm 2022	
				Thực hiện	So với năm 2021
1	Tỷ suất sinh thô	% ₀	14,5	13,3	Giảm 1,2% ₀
2	Tỷ số giới tính khi sinh (nam/ 100 nữ)	Trẻ	110,4	109,5	Giảm 0,9
3	Số người thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại	Người	75.318	83.586	Tăng 8.268

5. Đảm bảo an toàn thực phẩm

- Chủ trì phối hợp các sở ngành, đoàn thể, địa phương trong triển khai, tổ chức thực hiện công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong phạm vi toàn tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương. Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm các sự kiện chính trị, văn hóa, thể thao, lễ hội lớn của tỉnh được thực hiện hiệu quả.

- Công tác truyền thông được duy trì thường xuyên và tổ chức các chiến dịch truyền thông vào dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần và mùa Lễ hội Xuân 2022, “Tháng hành động vì ATTP” và Tết Trung thu năm 2022 với nhiều hình thức phù hợp, hiệu quả: Nói chuyện chuyên, hội thảo, tập huấn: 128 buổi/4.636 người; Phát thanh: 852/4.717 lượt phát; Truyền hình tỉnh: 40 lượt phát; Băng rôn: 624 cái; Áp phích: 397 cái; Tờ rơi: 2.056 cái; Xe loa cổ động: 59 lượt...

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thành lập 480 đoàn kiểm tra ATTP, trong đó: tuyến tỉnh: 15 đoàn, tuyến huyện: 46 đoàn, tuyến xã: 419 đoàn. Số cơ sở được kiểm tra 5.166, số đạt là 5.021 cơ sở (tỷ lệ 97,3%), số cơ sở vi phạm bị xử phạt 37 (tỷ lệ 0,7%), số tiền phạt là 148.500.000 đồng. Tổ chức 3 đợt giám sát chuyên đề 392 cơ sở là bếp ăn tập thể trường học, doanh nghiệp, quán ăn, thức ăn đường phố.

- Cấp 558 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (tỉnh: 199; tuyến huyện: 359), lũy cấp: 1.546/1.818, đạt tỷ lệ 85% (tỉnh: 492/520, tỷ lệ 94,6%; tuyến huyện 1.054/1.298, tỷ lệ 81,2%). Tiếp nhận 319 bản tự công bố sản phẩm và cấp 13 giấy xác nhận nội dung quảng cáo.

- Trong năm đã xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm với 91 người mắc, không có tử vong.

Bảng 5: Một số chỉ số hoạt động về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm

T T	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kết quả năm 2022	
				Thực hiện	So với năm 2021
1	Số vụ ngộ độc thực phẩm có hơn 30 người mắc	Vụ	0	1	Tăng 01
2	Số người ngộ độc thực phẩm trong các vụ ngộ độc thực phẩm / 100.000 dân	Người	0	6	Tăng 06
3	Tổng số cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP	Cơ sở	275	558	Tăng 283
4	Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về ATTP	Cơ sở	4.466	5.166	Tăng 700
5	Tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chuẩn ATTP qua thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm	%	94,8	97,3	Tăng 2,5%

6. Công tác khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng

a) Khám bệnh, chữa bệnh

- Thường xuyên giám sát, kiểm tra các cơ sở điều trị thực hiện nghiêm túc quy chế bệnh viện; tuân thủ các quy trình chuyên môn, kỹ thuật theo quy định, hướng dẫn chẩn đoán và phác đồ điều trị do Bộ Y tế ban hành; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải tiến quy trình khám bệnh; triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ và cải thiện các điều kiện phục vụ sinh hoạt của người bệnh; nâng cao tinh thần trách nhiệm và phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế, đi đôi với đảm bảo vệ sinh môi trường và tạo dựng cảnh quan cơ sở y tế “xanh, sạch, đẹp” hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

- Tổ chức thẩm định và phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật theo nhu cầu của các cơ sở khám chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT của Bộ Y tế; ban hành danh mục các dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.

- Chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tiếp tục được nâng cao; tinh thần trách nhiệm, phong cách làm việc và thái độ phục vụ của viên chức, nhân viên y tế có nhiều chuyển biến tích cực. Hoạt động khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, cho trẻ em dưới 6 tuổi, các đối tượng chính sách được duy trì có hiệu quả. Việc cung ứng các dịch vụ y tế cơ bản, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân tại tuyến y tế cơ sở được chú trọng đẩy mạnh, góp phần làm giảm quá tải bệnh nhân tại các bệnh viện tuyến tỉnh..

- Duy trì hoạt động y tế từ xa tại Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (qua kết nối mạng trực tiếp với các bệnh viện tuyến trên). Bước đầu triển khai hoạt động y tế từ xa tại 15 trạm y tế trong toàn tỉnh theo hướng dẫn và hỗ trợ của Cục Quản lý khám chữa bệnh và UNDP.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến và cải tiến kỹ thuật tại các cơ sở điều trị được khuyến khích, tăng cường ứng dụng vào thực tiễn triển khai các hoạt động chuyên môn.

- Thực hiện Đề án phát triển bệnh viện vệ tinh của Bộ Y tế, Bệnh viện đa

khoa tỉnh tiếp tục tiếp nhận các kỹ thuật mới, chuyên sâu từ tuyến trên (Bệnh viện Chợ Rẫy, Bệnh viện Thống nhất, Bệnh viện Từ Dũ, Bệnh viện Ung bướu TP. Hồ Chí Minh, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội) chuyển giao về tỉnh.

- Hiện nay, Bệnh viện đa khoa tỉnh đã thực hiện được thường quy nhiều kỹ thuật chuyên sâu về các lĩnh vực: can thiệp tim mạch, thần kinh cột sống, chấn thương – bỏng, ung bướu, ngoại tiêu hóa, ngoại tổng quát, hồi sức cấp cứu nhi, điều trị hiếm muộn bằng thụ tinh nhân tạo,...; nhờ vậy, nhiều ca bệnh phức tạp, hiếm nghèo đã được điều trị khỏi và ổn định tại địa phương, không phải chuyển lên tuyến trên. Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn và các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh cũng đã triển khai tốt hoạt động hỗ trợ chuyên môn, đào tạo và chuyển giao kỹ thuật cho các đơn vị tuyến dưới và một số cơ sở y tế các tỉnh lân cận.

- Sở Y tế đã thẩm định và cấp phép cho 16 đoàn khám chữa bệnh nhân đạo (11 đoàn thuộc các tổ chức, đơn vị trong tỉnh và 05 đoàn thuộc các tổ chức, đơn vị ngoài tỉnh); các đợt khám chữa bệnh nhân đạo thực hiện chủ yếu tại các xã miền núi còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế.

- Có 11.664 lượt bệnh nhân nghèo được hỗ trợ kinh phí từ Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo theo Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND tỉnh (với tổng số tiền đã chi trả hỗ trợ là 4.686.086.691 đồng (Hỗ trợ đồng chi trả BHYT: 311.411đ; Hỗ trợ cho người mắc bệnh ung thư, chạy thận nhân tạo, mổ tim: 434.856.244đ; Hỗ trợ tiền ăn: 4.183.713.730đ; Hỗ trợ tiền đi lại: 67.205.306 đồng).

- Ngành Y tế phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh tổ chức khám bệnh theo chương trình kết hợp quân dân y cho khoảng 500 người dân tại 04 huyện, thị xã, thành phố (Quy Nhơn, Hoài Nhơn, Phù Cát, Phù Mỹ) với kinh phí là 53.817.250 đồng.

- Thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh về việc tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2023, toàn tỉnh đã thực hiện khám tuyển cho 11.642 lượt công dân, đạt 96,03% (kế hoạch 12.123 công dân); trong đó, 560 công dân sức khỏe loại 1, 1.562 công dân sức khỏe loại 2, 2.083 công dân sức khỏe loại 3, 3.857 công dân sức khỏe loại 4.

b) Khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền và PHCN

- Số lượt khám bệnh y học cổ truyền: 31.9442, đạt 16% tổng số lượt khám bệnh. Số bệnh nhân điều trị nội trú ra viện: 16.107 lượt; trong đó kết hợp YHCT và YHHĐ: 10.316 lượt. Số ngày điều trị nội trú ra viện: 197.863 ngày. Tổng số lần thực hiện thủ thuật YHCT: 846.013.

- Triển khai cung cấp dịch vụ PHCN theo nhóm đa ngành tại Bệnh viện Y học cổ truyền và PHCN, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã: An Nhơn, Phù Cát và Tây Sơn nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh YHCT và PHCN phục vụ người bệnh khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam

- Ban hành tài liệu “Hướng dẫn triển khai cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng theo nhóm đa ngành tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định”.

- Thực hiện chuyển cơ sở 2 Bệnh viện Y học cổ truyền và PHCN (trước đây là bệnh viện Điều dưỡng - PHCN) về tập trung tại cơ sở 1.

Bảng 6: Một số chỉ số hoạt động về công tác khám bệnh, chữa bệnh và PHCN

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kết quả năm 2022	
				Thực hiện	So với năm 2021
1	Số lượt khám bệnh	Lượt	1.761.335	1.955.750	111,0%
	<i>Trong đó, Bảo hiểm y tế</i>	<i>Lượt</i>	<i>1.470.348</i>	<i>1.776.800</i>	<i>102,1%</i>
2	Số lượt điều trị nội trú	Lượt	192.035	240.380	125,2%
	<i>Trong đó, Bảo hiểm y tế</i>	<i>Lượt</i>	<i>176.079</i>	<i>225.960</i>	<i>128,3%</i>
3	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	1.372.610	1.514.400	110,3%
4	Ngày điều trị trung bình / bệnh nhân nội trú	Ngày	7,1	6,3	Giảm 0,8
5	Công suất sử dụng giường bệnh nội trú	%	87,9	94,3	Tăng 6,4%
6	Tỷ lệ bệnh nhân nội trú được điều trị khỏi bệnh, đỡ bệnh	%	88,0	90,0	Tăng 2,0
7	Tỷ lệ hài lòng của người bệnh và thân nhân người bệnh đối với dịch vụ y tế	%	76,5	78,0	Tăng 1,5%

7. Công tác quản lý dược, mỹ phẩm và trang thiết bị, vật tư y tế

- Tổ chức đấu thầu mua sắm thuốc, vật tư y tế, khí y tế tập trung cấp địa phương phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở y tế trong tỉnh; các cơ sở y tế công lập trực thuộc tổ chức đấu thầu mua sắm thuốc vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm chẩn đoán, trang thiết bị y tế không thuộc danh mục đấu thầu tập trung đảm bảo đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của nhân dân.

- Đảm bảo đầy đủ thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị y tế, hoá chất phòng chống dịch bệnh COVID-19, phòng chống bão lụt;

- Hội đồng Thuốc và Điều trị của các bệnh viện hoạt động tích cực tham mưu cho lãnh đạo bệnh viện trong việc thực hiện tốt chính sách Quốc gia về thuốc, xây dựng danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện, ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất trong nước đạt tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP); giám sát việc kê đơn, sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả; theo dõi, báo cáo kịp thời phản ứng có hại của thuốc (tác dụng không mong muốn của thuốc);

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã tổ chức triển khai bộ phận Dược lâm sàng theo lộ trình quy định tại Nghị định 31/2022/NĐ-CP ngày 02/11/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động Dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

- Quản lý việc mua bán, sử dụng, tồn trữ thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất đúng quy định pháp luật;

- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã sử dụng phần mềm quản lý bệnh viện trong khám chữa bệnh và kê đơn thuốc và thực hiện nghiêm túc quy chế kê đơn;

- Quản lý, hướng dẫn các cơ sở y tế, cơ sở kinh doanh dược, mỹ phẩm trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật về quản lý và sử dụng

thuốc, vật tư y tế, hóa chất, trang thiết bị,...; ưu tiên sử dụng thuốc generic, thuốc sản xuất trong nước, sử dụng thuốc an toàn hiệu quả và kịp thời báo cáo phản ứng có hại, tác dụng phụ của thuốc khi sử dụng;

- Thực hiện các quy định về quản lý giá thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở bán buôn thuốc, nhà thuốc, quầy thuốc trên địa bàn tỉnh, ghi nhận không có hiện tượng đầu cơ nâng giá bất hợp lý, giá thuốc tương đối ổn định trên thị trường; tiếp nhận rà soát 14 hồ sơ kê khai lại giá thuốc của cơ sở sản xuất thuốc trên địa bàn tỉnh, mức giá tăng phù hợp với mức tăng các chi phí đầu vào sản xuất;

- Triển khai và duy trì kết nối liên thông “Cơ sở dữ liệu dược quốc gia” đối với 100% nhà thuốc, quầy thuốc, cơ sở bán buôn thuốc;

- Đối với công tác đảm bảo chất lượng thuốc sản xuất, lưu hành và sử dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm, Mỹ phẩm tỉnh:

+ Triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, kiểm nghiệm, giám sát chất lượng thuốc đạt 100% kế hoạch;

+ Tiếp tục duy trì thực hiện Hệ thống quản lý Phòng thí nghiệm theo ISO/IEC 17025: 2017 được Văn phòng công nhận chất lượng của Bộ Khoa học và công nghệ (BoA) đánh giá định kỳ đạt yêu cầu theo quy định;

+ Tham gia 03 phép thử của Chương trình thử nghiệm thành thạo dành do Viện Kiểm nghiệm thuốc Tp. Hồ Chí Minh tổ chức đều đạt kết quả tốt.

- Trong năm 2022, Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm đã được đầu tư một số thiết bị phân tích kiểm nghiệm hiện đại như: Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC), Máy quang phổ tử ngoại khả kiến (UV-Vis), ... với tổng giá trị 1.617.000.000 đồng.

Bảng 7: Một số chỉ số hoạt động về công tác dược, kiểm nghiệm chất lượng thuốc

TT	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kết quả năm 2022	
				Thực hiện	So với năm 2021
1	Số cơ sở kinh doanh thuốc đạt tiêu chuẩn GDP (thực hành tốt phân phối thuốc)	Cơ sở	18	17	Giảm 01
2	Số nhà thuốc đạt tiêu chuẩn GPP (thực hành tốt nhà thuốc)	Cơ sở	228	245	Tăng 17
3	Số cơ sở lấy và gửi mẫu để kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm	Cơ sở	316	397	Tăng 81
4	Số mẫu thuốc, mỹ phẩm đã kiểm nghiệm	Mẫu	500	440	Giảm 60
5	Tỷ lệ mẫu thuốc, mỹ phẩm qua kiểm nghiệm đạt chất lượng sử dụng	%	99,8	99,5	Tương đương

8. Quản lý y tế ngoài công lập

- Cấp mới 218 Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn của 450 Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; cấp lại 05 Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; cấp mới giấy phép hoạt

động khám bệnh, chữa bệnh cho 30 cơ sở.

- Cấp mới 207 Chứng chỉ hành nghề dược, 164 Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, điều chỉnh 37 Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, cấp 314 Giấy chứng nhận “Thực hành tốt nhà thuốc”, 04 Giấy chứng nhận “Thực hành tốt phân phối thuốc”; 12 hồ sơ công bố đáp ứng “Thực hành tốt bảo quản thuốc-GSP”; 11 hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế loại A, B; 17 hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D.

- Lũy kế số cơ sở hành nghề ngoài công lập được cấp phép: 1.731 (y: 607, y học cổ truyền: 159, dược: 965); tăng 112 cơ sở so với cùng kỳ năm 2021.

- Toàn tỉnh có 03 bệnh viện đa khoa (Bệnh viện Bình Định, Bệnh viện đa khoa Hòa Bình, Bệnh viện đa khoa Thu Phúc), 01 bệnh viện chuyên khoa (Bệnh viện Mắt Sài Gòn - Quy Nhơn) và 11 phòng khám đa khoa.

Bảng 8: Một số chỉ số hoạt động KCB tại các bệnh viện ngoài công lập

T T	Chỉ số hoạt động	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kết quả năm 2022	
				Thực hiện	So với năm 2021
1	Số lượt khám bệnh	Lượt	148.934	209.887	141%
	<i>Trong đó, Bảo hiểm y tế</i>	<i>Lượt</i>	<i>115.091</i>	<i>147.099</i>	<i>128%</i>
2	Số lượt điều trị nội trú	Lượt	16.138	20.654	128%
	<i>Trong đó, Bảo hiểm y tế</i>	<i>Lượt</i>	<i>14.975</i>	<i>19.071</i>	<i>127%</i>
3	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	80.361	99.622	124%
4	Ngày điều trị trung bình / bệnh nhân nội trú	Ngày	4,98	4,82	<i>Giảm 0,16</i>
5	Công suất sử dụng giường bệnh nội trú	%	55,04	68,2	<i>Tăng 13,2%</i>

9. Các hoạt động khác

- Tiếp tục thực hiện đúng kế hoạch, đảm bảo hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế đang được triển khai tại tỉnh như: Dự án “Phát hiện sớm bệnh vông mạc đái tháo đường tại cộng đồng” (do Bộ Ngoại giao - Thương mại Úc và tổ chức Fred Hollow Foundation tài trợ); Dự án “Hỗ trợ người khuyết tật vận động”, Dự án “Cải thiện dịch vụ chăm sóc và trợ giúp xã hội cho người khuyết tật nặng”, Dự án “Hỗ trợ cải thiện chất lượng sống của người khuyết tật tại các tỉnh bị phun rải nặng chất da cam” (do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tài trợ). Đang triển khai các thủ tục tiếp nhận dự án :Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế Quy Nhơn: (sử dụng vốn ưu đãi của Chính phủ Hàn Quốc).

- Tiếp nhận hồ sơ và tổ chức khám giám định y khoa: 976 lượt người (tăng 176 lượt người so với năm 2021): Người khuyết tật 599 người; Hưu trước tuổi 156 người; Tai nạn lao động 115 người; Người có công với cách mạng và con đẻ liên quan đến phơi nhiễm Chất độc hoá học/Dioxin 36 người; Tuất của thân nhân người Hoạt động cách mạng 15 người; Bệnh nghề nghiệp 15 người; Hưởng Bảo hiểm xã hội 1 lần 09 người; Khám giám định đối tượng khác 27 người

- Thực hiện giám định pháp y 876 hồ sơ (*tử thi: 444, thương tích: 369, tình dục: 19, mô bệnh học: 44*); tăng 145 hồ sơ so với năm 2021.

IV. TÓM TẮT KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH Y TẾ NĂM 2022

Bảng 9

T T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Kết quả năm 2022	
				Thực hiện	Đánh giá thực hiện so với KH
1	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 98,0	98,0	Đạt
2	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai tính trên 100 bé gái)	Bé trai	≤ 110,0	109,5	Đạt
3	Số tử vong mẹ (trên 100.000 trẻ đẻ sống)	Bà mẹ	≤ 25,0	5,6	Đạt
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/ tuổi)	%	≤ 12,2	11,5	Đạt
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm chủng đủ các loại vắc xin thuộc chương trình TCMR	%	≥ 98,0	98,0	Đạt
6	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thời kỳ thai nghén	%	≥ 98,0	99,2	Đạt
7	Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế, được nhân viên y tế đã qua đào tạo hỗ trợ, chăm sóc	%	≥ 99,0	99,7	Đạt
8	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được tiêm đủ liều vắc xin phòng bệnh uốn ván	%	≥ 98,0	98,5	Đạt
9	Tỷ lệ khám, chữa bệnh bằng YHCT hoặc kết hợp YHCT và YHHĐ	%	15,0	16,0	Đạt
10	Ngày điều trị trung bình của 01 bệnh nhân nội trú	Ngày	≤ 7,0	6,3	Đạt
11	Tỷ lệ mắc mới bệnh phong (trên dân số)	/100.000	≤ 0,2	0	Đạt
12	Tỷ lệ mắc bệnh sốt rét (trên dân số)	/100.000	≤ 5,0	0,13	Đạt
13	Tỷ lệ mắc bệnh sốt xuất huyết (trên dân số)	/100.000	≤ 200,0	492,5	Không đạt
14	Tỷ lệ mắc mới bệnh lao phổi AFB ⁽⁺⁾ (trên dân số)	/100.000	≤ 30,0	25,0	Đạt
15	Tỷ lệ nhiễm mới HIV trong cộng đồng (trên dân số)	‰	≤ 0,1	0,07	Đạt
16	Tỷ lệ cơ sở SXKD thực phẩm, dịch vụ ăn uống qua kiểm tra đạt tiêu chuẩn ATTP	%	≥ 92,0	97,3	Đạt
17	Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	Đạt
18	Tỷ lệ người dân hài lòng với dịch vụ y tế	%	≥ 75,5	78,0	Đạt

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. KẾT QUẢ NỔI BẬT

- Thực hiện đạt và vượt 6/6 chỉ tiêu y tế - dân số HĐND tỉnh giao: Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế: 96,02%; Duy trì mức sinh thay thế; tỷ suất sinh thô đạt 13,3‰; Duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ công tác; Duy trì 100% xã, phường, thị trấn đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế: 100%; Giường bệnh kế hoạch/ vạn dân đạt

35,05; Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đạt 7,61 %.

- Triển khai kịp thời, hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch, đảm bảo hoàn thành tốt các mục tiêu thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19 với tinh thần đặt sự an toàn, sức khỏe, tính mạng của nhân dân lên trên hết; góp phần đảm bảo an sinh xã hội, ổn định đời sống người dân và tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt 8,57%.

- Thực hiện tốt các hoạt động về công tác phòng chống các dịch bệnh truyền nhiễm, công tác y tế dự phòng, dân số, an toàn thực phẩm, phòng chống một số bệnh không lây nhiễm, phòng chống các bệnh xã hội. Các hoạt động của Chương trình mục tiêu y tế - dân số được tiếp tục duy trì thực hiện có hiệu quả. Giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ bệnh uốn ván sơ sinh (từ năm 2000), loại trừ bệnh phong (từ năm 2014).

- Chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tiếp tục được nâng cao. Nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu đã được áp dụng trong chẩn đoán, điều trị bệnh với sự hỗ trợ trực tiếp của các bệnh viện tuyến trên, kết hợp với tổ chức khám bệnh, chữa bệnh từ xa. Hoạt động khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, các đối tượng chính sách được thực hiện tốt.

- Hoạt động mua sắm thuốc, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, trang thiết bị y tế được thực hiện kịp thời và đúng quy định; đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư y tế, hoá chất phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh và dự phòng; nhất là cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19.

- Chất lượng nguồn nhân lực y tế được nâng lên rõ rệt nhờ thực hiện tốt chính sách ưu đãi, thu hút bác sĩ, dược sĩ đại học của tỉnh và công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực được của ngành Y tế chú trọng, đẩy mạnh. Tinh thần trách nhiệm, phong cách làm việc và thái độ phục vụ của viên chức, nhân viên y tế có nhiều chuyển biến tích cực.

II. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

- Dịch bệnh COVID-19 diễn biến kéo dài và phức tạp, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe nhân dân cũng như hoạt động của các cơ sở y tế, y tế dự phòng và các hoạt động chung của toàn ngành. Các bệnh truyền nhiễm gây dịch nguy hiểm khác luôn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra dịch, nhất là bệnh sốt xuất huyết đang bùng phát trở lại, số ca mắc hiện nay đang ở mức cao và có xu hướng tăng mạnh trong những tháng cuối năm 2022 và đầu năm 2023. Các bệnh không lây nhiễm (như ung thư, đái đường, tim mạch, tăng huyết áp,...) ngày càng gia tăng kết hợp với già hóa dân số, biến đổi khí hậu làm tăng gánh nặng bệnh tật.

- Hầu hết các cơ sở khám chữa bệnh đều gặp khó khăn về tài chính, mất cân bằng giữa thu và chi; gây ảnh hưởng lớn đến triển khai hoạt động của cơ sở y tế và chi lương, phụ cấp cho nhân viên y tế, người lao động.

- Việc thanh toán chi phí khám chữa bệnh BHYT gặp nhiều khó khăn: chi phí khám chữa bệnh BHYT vượt dự toán năm 2018, vượt tổng mức thanh toán năm 2019 và 2020 của nhiều cơ sở KCB chưa được Bảo hiểm xã hội thanh quyết toán, gây khó khăn cho hoạt động của cơ sở y tế.

- Việc mua sắm thuốc, trang thiết bị y tế chuyên dùng gặp vướng mắc, khó

khẩn do những bất cập của văn bản quy phạm pháp luật chậm được sửa đổi, bổ sung kịp thời; nhiều loại thuốc, hóa chất, vật tư y tế, trang thiết bị y tế... không có nhà thầu tham dự đấu thầu. Việc đấu thầu mua thuốc tập trung, đàm phán giá (do Bộ Y tế thực hiện) chậm có kết quả, gây ảnh hưởng đến đảm bảo cung ứng thuốc tại các cơ sở y tế.

- Tình trạng bác sĩ, nhân viên y tế nghỉ việc, bỏ việc có xu hướng tăng (*năm 2021 có 06 bác sĩ, 12 điều dưỡng; năm 2022 có 20 bác sĩ, 12 điều dưỡng*) gây ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn của một số đơn vị, nhất là tại các TTYT huyện.

- Nhiều cơ sở y tế còn thiếu bác sĩ và nhân lực có trình độ cao, nhất là ở tuyến huyện và các bệnh viện chuyên khoa; trang thiết bị y tế còn thiếu; cơ sở hạ tầng của một số đơn vị chật hẹp và bị xuống cấp, gây ảnh hưởng đến việc triển khai các kỹ thuật chuyên môn, chăm sóc người bệnh và phạm vi, chất lượng cung ứng dịch vụ y tế của cơ sở y tế.

- Các quy định về cấp chứng chỉ hành nghề đối với bác sĩ, nhân viên y tế còn nhiều vướng mắc, nhất là đối với các chuyên khoa lẻ; gây hạn chế điều kiện, phạm vi hành nghề, ảnh hưởng nguồn nhân lực y tế và chất lượng khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở y tế.

- Công tác chuyển đổi số gặp nhiều khó khăn về cơ chế, chính sách và kinh phí nên việc triển khai còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu.

II. NGUYÊN NHÂN CỦA KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

- Mô hình bệnh tật có sự thay đổi do tác động của biến đổi khí hậu, già hóa dân số và ô nhiễm môi trường, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân ngày càng cao; trong khi điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn những hạn chế nhất định nên kinh phí đầu tư cho các hoạt động y tế - dân số chưa đáp ứng đủ so với yêu cầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ của ngành Y tế.

- Chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ đối với công chức, viên chức y tế chưa phù hợp, thu nhập còn thấp, gây ảnh hưởng lớn đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân viên y tế (*hầu hết các cơ sở y tế không có tiền chi thu nhập tăng thêm cho nhân viên y tế trong nhiều năm liền*); đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhiều nhân viên y tế bỏ việc, thôi việc thời gian qua.

- Giá dịch vụ y tế vẫn chưa được tính đúng và tính đủ theo lộ trình Chính phủ đã đề ra.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản dưới luật quy định về các hoạt động liên quan đến lĩnh vực y tế - dân số còn nhiều bất cập nên việc triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ gặp khó khăn, hiệu quả không cao; nhất là các quy định về đấu thầu mua thuốc, trang thiết bị y tế hiện vẫn chưa được sửa đổi dẫn đến việc mua sắm, đấu thầu gặp nhiều khó khăn.

- Dịch bệnh COVID-19 kéo dài, người dân giảm sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu (*vì lo ngại bệnh viện trở thành nơi lây nhiễm bệnh COVID-19*) dẫn đến số lượng bệnh nhân đến khám, điều trị và sử dụng các dịch vụ y tế tại các cơ sở y tế bị sụt giảm nhiều so với các năm trước, gây ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn thu của các cơ sở y tế để thực hiện các hoạt động chi thường xuyên và chăm lo đời sống cho đội ngũ nhân viên y tế.

- Kinh phí đầu tư cho chuyển đổi số y tế chủ yếu dựa vào nguồn thu của các cơ sở khám chữa bệnh, do vậy việc thực hiện còn chậm, hạn chế. Đối với chuyển đổi số mang tính tổng thể của ngành thì chưa có nguồn kinh phí đầu tư. Các quy định về thuê phần mềm, thuê thiết bị công nghệ thông tin chưa rõ ràng; các quy định về hoạt động y tế từ xa, hồ sơ sức khỏe điện tử công dân, bệnh án điện tử còn nhiều bất cập, hạn chế gây khó khăn cho việc thực hiện.

Phần 2 KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2023

A. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Bảng 10

T T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
	<i>Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh</i>		
1	Số giường bệnh kế hoạch toàn tỉnh/ vạn dân (bao gồm các cơ sở y tế trực thuộc bộ - ngành, không tính trạm y tế)	Giường	≥ 35,50
	<i>Trong đó, giường bệnh kế hoạch thuộc tỉnh quản lý</i>	<i>Giường</i>	<i>≥ 29,50</i>
2	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	≥ 96,05
3	Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc	%	100
4	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia y tế	%	100
5	Mức sinh thay thế (<i>bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có từ 2,0 con đến 2,2 con</i>)		Duy trì
6	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	≤ 7,30
	<i>Các chỉ tiêu khác</i>		
7	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 98,0
8	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai tính trên 100 bé gái)	Bé trai	≤ 110,0
9	Tỷ số tử vong mẹ (trên 100.000 trẻ đẻ sống)	/100.000	≤ 20,0
10	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	≤ 11,0
11	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	≥ 98,0
12	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 3 lần trong 3 kỳ thai	%	≥ 98,0
13	Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế, được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ	%	≥ 99,0
14	Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng đầy đủ vắc xin phòng bệnh uốn ván	%	≥ 98,0
15	Tỷ lệ khám, chữa bệnh bằng YHCT hoặc kết hợp YHCT và YHHĐ	%	15,0
16	Ngày điều trị trung bình của 01 bệnh nhân nội trú	Ngày	≤ 7,0
17	Tỷ lệ mắc bệnh phong tính trên dân số	/100.000	≤ 0,2

18	Tỷ lệ mắc bệnh sốt rét tính trên dân số	/100.000	$\leq 5,0$
19	Tỷ lệ mắc bệnh sốt xuất huyết tính trên dân số	/100.000	$\leq 300,0$
21	Tỷ lệ mắc lao phổi AFB ⁽⁺⁾ tính trên dân số	/100.000	$\leq 30,0$
22	Tỷ lệ nhiễm HIV mới trong cộng đồng tính trên dân số	% ₀	$\leq 0,1$
23	Tỷ lệ cơ sở SXKD, dịch vụ thực phẩm, ăn uống qua kiểm tra đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm	%	$\geq 94,0$
24	Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100
25	Tỷ lệ người dân hài lòng với dịch vụ y tế	%	$\geq 78,0$

B. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KT-XH CỦA TỈNH

1. Chỉ tiêu “Giường bệnh kế hoạch toàn tỉnh/ vạn dân đạt 35,5”

- Thực hiện điều chỉnh tăng thêm 100 giường bệnh kế hoạch cho các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh quản lý (*BVĐK tỉnh: 60 giường, Bệnh viện ĐKKV Bông Sơn: 20 giường, TTYT thị xã An Nhơn: 20 giường*).

- Tham mưu cấp có thẩm quyền triển khai chính sách thu hút đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng mới bệnh viện ngoài công lập, tăng quy mô giường bệnh.

2. Chỉ tiêu “Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,05%”

Sở Y tế, BHXH tỉnh, Sở LĐ-TB&XH, các sở, ngành có liên quan và chính quyền địa phương các cấp cần phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện các giải pháp phát triển BHYT cho từng nhóm đối tượng người dân như sau:

a) Đối với nhóm cùng tham gia BHXH, BHYT:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch phát triển người tham gia BHXH, BHYT theo từng tháng, quý.

- Tăng cường rà soát, cập nhật số đối tượng thực tế làm việc (hưởng tiền lương, tiền công) nhưng chưa tham gia BHYT để xây dựng kế hoạch khai thác, phát triển BHYT bắt buộc.

- Đẩy mạnh các hoạt động phổ biến, tuyên truyền giáo dục về trách nhiệm, quyền lợi của người lao động khi tham gia BHXH, BHYT; xử lý các hành vi trốn tránh, không đóng BHXH, BHYT cho người lao động tại các doanh nghiệp.

b) Đối với nhóm do NSNN đóng:

Thường xuyên rà soát người thuộc diện được ngân sách nhà nước đóng BHYT (*người nghèo, bảo trợ xã hội, cựu chiến binh, tham gia kháng chiến, trẻ em*) nhưng chưa được cấp thẻ BHYT để lập danh sách, chuyển cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp thẻ BHYT theo quy định.

c) Đối với các nhóm do NSNN hỗ trợ 1 phần mức đóng:

- Đề xuất UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh phê duyệt tăng mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh để đóng BHYT cho các đối tượng: hộ cận nghèo (*đã hỗ trợ 15%*); học sinh, sinh viên (*chưa hỗ trợ*); hộ nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình (*chưa hỗ trợ*).

- Thường xuyên rà soát, bổ sung đối tượng thuộc nhóm do ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần mức đóng, đảm bảo kịp thời và chính xác.

- Tăng cường vận động các nhà hảo tâm, tổ chức từ thiện tham gia hỗ trợ mua thẻ BHYT cho các hộ gia đình nghèo, cận nghèo gặp khó khăn, không đủ khả năng tham gia BHYT và các hộ gia đình làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình.

d) Đối với nhóm tham gia BHYT hộ gia đình:

- Phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động phù hợp với từng nhóm đối tượng và tư vấn trực tiếp để phát triển người tham gia BHYT.

- Phát huy vai trò của các hội, đoàn thể, các tổ chức và cá nhân có uy tín trong cộng đồng dân cư để tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHYT.

3. Chỉ tiêu “Tỷ lệ Trạm y tế có bác sĩ công tác duy trì đạt 100%”

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển dụng viên chức y tế hàng năm; trong 2023 tổ chức 02 tuyển dụng bác sĩ bằng hình thức xét tuyển.

- Thực hiện tốt chính sách thu hút, ưu đãi đối với bác sĩ theo quy định của tỉnh. Phối hợp Trường đại học Y Dược Huế và các Trường đại học Y Dược khác tổ chức ngày hội việc làm để gặp gỡ, tư vấn, giới thiệu, chào mời, thu hút các sinh viên tốt nghiệp về tỉnh công tác, làm việc.

- Xây dựng đề án nâng cao nguồn nhân lực y tế trình cấp thẩm quyền phê duyệt năm 2023; trong đó chú trọng đến chính sách hỗ trợ đào tạo cho y tế cơ sở. Tăng cường đào tạo về chuyên môn cho bác sĩ công tác tại Trạm y tế.

- Tiếp tục thực hiện việc luân chuyển có thời hạn các bác sĩ từ các Trạm y tế lên làm việc tại TTYT và ngược lại.

- Đầu tư trang thiết bị tin học tại Trạm y tế và tổ chức đào tạo để triển khai thực hiện hoạt động y tế từ xa tại trạm y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế (kết nối Trạm y tế với TTYT huyện và các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh).

4. Chỉ tiêu “Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã duy trì đạt 100%”

- Tổ chức rà soát thực trạng các xã, phường, thị trấn và các Trạm y tế; đối chiếu các nội dung, tiêu chuẩn đánh giá theo Tài liệu dự thảo Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2021-2030 (hiện nay Bộ Y tế đang dự thảo) để xác định nhiệm vụ cụ thể cho từng tiêu chí.

- Chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2021-2030 theo quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Triển khai xây mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm, cung cấp trang thiết bị y tế thiết yếu cho các Trạm y tế theo kế hoạch phân bổ vốn của tỉnh (theo Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh).

5. Chỉ tiêu “Duy trì mức sinh thay thế (mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,0 - 2,2 con)”

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời và mở rộng phạm vi cung ứng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, các biện pháp tránh thai hiện đại cho đối tượng trong độ tuổi sinh sản.

- Tăng cường truyền truyền, vận động người dân tích cực thực hiện các nội dung về chính sách dân số và phát triển, với mục tiêu trọng tâm: mỗi cặp vợ chồng chỉ sinh đủ 02 con; ưu tiên tập trung các nhóm đối tượng trong độ tuổi sinh sản và các địa bàn có mức sinh còn cao; duy trì tỷ suất sinh thô từ 13,0‰ đến 14,5‰.

6. Chỉ tiêu “Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đạt $\leq 7,3\%$ ”

- Triển khai có hiệu quả kế hoạch “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về dinh dưỡng tại cộng đồng; tư vấn và hướng dẫn về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em, cho phụ nữ mang thai, phụ nữ đang cho con bú và nuôi con nhỏ dưới 5 tuổi.

- Tăng cường hoạt động chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời. Triển khai các hoạt động can thiệp để phục hồi và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em phù hợp với từng địa phương; ưu tiên các hộ gia đình nghèo, cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội, vùng cần được hỗ trợ khẩn cấp về dinh dưỡng.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác chỉ đạo, điều hành của Sở Y tế

- Chủ động báo cáo và đề xuất các nhiệm vụ công tác của Ngành để Bộ Y tế, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

- Thực hiện tốt vai trò tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật, chính sách quan trọng của tỉnh về lĩnh vực y tế - dân số.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, nhiệm vụ của Ngành về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và chính quyền, đoàn thể các địa phương đẩy mạnh việc tuyên truyền phổ biến, tổ chức quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục phát triển ngành Y tế và tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe người dân theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực y tế - dân số.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách về y tế - dân số và các lĩnh vực hoạt động khác liên quan tới bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về đầu tư phát triển và nâng cao năng lực hoạt động tuyến y tế cơ sở theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của HĐND tỉnh và Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025.

2. Công tác phòng chống dịch bệnh, y tế dự phòng và thực hiện các chương trình mục tiêu y tế - dân số

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch COVID-19, dịch bệnh mới nổi và các dịch bệnh lưu hành khác như Sốt xuất huyết, tay chân miệng, sốt rét...

tập trung thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch, không để dịch bệnh bùng phát và lây lan rộng trong cộng đồng.

- Tăng cường triển khai các hoạt động củng cố và nâng cao năng lực của các đơn vị từ tuyến tỉnh đến tuyến y tế cơ sở đảm bảo được các yêu cầu về triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm, mới nổi và triển khai các chương trình sức khỏe cộng đồng, nhất là năng lực chăm sóc và quản lý các bệnh không lây nhiễm tại tuyến y tế cơ sở.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao các kết quả của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số; chủ động phòng, chống dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời khống chế không để dịch lớn xảy ra; giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, phát hiện sớm, khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh tật lứa tuổi học đường bảo đảm sức khỏe cộng đồng; khống chế và giảm tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng; tăng cường công tác kết hợp quân dân y trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe trong cơ sở y tế và tại cộng đồng; tích cực vận động người dân xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh; xóa bỏ các tập tục lạc hậu ảnh hưởng xấu đến sức khỏe; phòng, chống tai nạn, thương tích, bệnh nghề nghiệp, bạo lực, bạo hành gia đình.

3. Công tác dân số

- Đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa các biện pháp tránh thai cho mọi đối tượng; tuyên truyền vận động để mọi người tăng cường sử dụng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng; nhất là bao cao su (*đây là biện pháp tránh thai hiệu quả và phòng ngừa các bệnh lây qua đường tình dục*).

- Cung cấp đầy đủ các biện pháp tránh thai cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Chương mục tiêu 1719.

- Hỗ trợ đầy đủ và kịp thời cho đồng bào dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP.

4. Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các đợt cao điểm: Tết Nguyên Đán, lễ hội Xuân, Tháng hành động vì ATTP, Tết Trung thu ... theo chỉ đạo của UBND tỉnh và BCĐ Trung ương về ATTP với hai hoạt động chính là truyền thông và thanh, kiểm tra liên ngành trọng phạm vi toàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm chuyên ngành về ATTP theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Tăng cường các hoạt động phòng, chống ngộ độc thực phẩm trong đó chú trọng các loại hình bếp ăn tập thể, cung cấp suất ăn sẵn cho trường học và khu công nghiệp.

5. Công tác khám chữa bệnh và phục hồi chức năng

- Tuân thủ các quy trình chuyên môn, kỹ thuật theo quy định, hướng dẫn chẩn đoán và phác đồ điều trị của Bộ Y tế.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải tiến quy trình khám bệnh; cải thiện các điều kiện sinh hoạt của người bệnh.

- Tăng cường tiếp nhận các kỹ thuật mới, chuyên sâu từ các bệnh viện tuyến trên chuyển giao về tỉnh; đẩy mạnh các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh từ xa.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm và phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế; đảm bảo vệ sinh môi trường và tạo dựng cảnh quan cơ sở y tế “xanh, sạch, đẹp” hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

6. Công tác tổ chức bộ máy và quản lý, đào tạo nhân lực

- Tiếp tục kiện toàn, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế và tăng cường quản lý nhân lực y tế theo các văn bản quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, đảm bảo tinh gọn, phù hợp và đạt hiệu quả cao.

- Trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Đề án vị trí việc làm của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án, phương án thành lập, tổ chức lại các tổ chức bên trong của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế (khi có văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền).

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ về quản lý, sử dụng biên chế theo Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch tuyển dụng viên chức y tế năm 2022. Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng viên chức y tế năm 2023 (*02 đợt xét tuyển bác sĩ, dược sĩ đại học; 01 đợt tuyển dụng viên chức Y tế các chuyên ngành khác*).

- Tổ chức thực hiện Đề án xét thăng hạng CDNN viên chức chuyên ngành y tế từ hạng IV lên hạng III sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

- Rà soát, triển khai công tác quy hoạch bổ sung công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của Ngành giai đoạn 2020-2025 và 2026-2031. Thực hiện tốt công tác bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý; chuyển đổi vị trí công tác; bổ nhiệm, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

- Tiếp tục thực hiện việc ủy quyền cho các Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Y tế các nhiệm vụ về quản lý, sử dụng công chức, viên chức theo phân cấp.

- Trình HĐND, UBND tỉnh ban hành Đề án Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế để nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở. Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo về chuyên môn, chính trị và quản lý cho công chức, viên chức của toàn Ngành.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức ngành Y tế; thu hút và ưu đãi đối với người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao,....

7. Công tác dược và trang thiết bị y tế

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, hóa chất phục vụ công tác khám, chữa bệnh, phòng chống dịch và y tế dự phòng, dân số. Đẩy mạnh công tác dược lâm sàng, chống kháng thuốc.

- Thực hiện tốt công tác đấu thầu thuốc tập trung và không tập trung cấp tỉnh bảo đảm đúng quy định, công khai, minh bạch; kiểm soát chặt chẽ quy trình mua sắm, chống thất thoát, lãng phí.

- Hướng dẫn, quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh dược thực hiện đúng quy định của pháp luật; tuân thủ các quy định về thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GSP) theo Thông tư số 36/2018/TT-BYT.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, lấy mẫu kiểm nghiệm chất lượng thuốc; giám sát, kiểm tra công tác mua sắm, quản lý và sử dụng thuốc, vật tư y tế, hoá chất y tế, trang thiết bị y tế trong toàn Ngành.

- Tổ chức lại Trung tâm kiểm nghiệm Dược phẩm, Mỹ phẩm thành Trung tâm kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm nhằm nâng cao công tác giám sát chất lượng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm phù hợp với xu thế phát triển chung của xã hội và của ngành y tế theo quy định của nhà nước.

8. Công tác quản lý tài chính y tế

- Thực hiện công khai dự toán, phân bổ kinh phí phù hợp cho từng lĩnh vực, từng tuyến, từng đơn vị. Tập trung và ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cấp cho y tế dự phòng, y tế tuyến cơ sở; nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Hoàn thành thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy nhân sự và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

- Tranh thủ huy động các nguồn lực xã hội, các dự án ODA, NGO để đầu tư cho công tác y tế - dân số; lồng ghép các nguồn viện trợ đưa vào nguồn lực chung của toàn Ngành. Thực hiện tốt công tác quản lý công sản.

- Tổ chức quản lý và sử dụng ngân sách, thu - chi tài chính đúng theo định mức, tiêu chuẩn hiện hành; đi đôi với tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thực hiện nghiêm túc Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế.

- Tăng cường triển khai thực hiện hóa đơn điện tử, thu tiền dịch vụ y tế không sử dụng tiền mặt tại các cơ sở y tế.

- Hoàn thành việc trình UBND tỉnh phê duyệt phương án tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chưa được phê duyệt phương án tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Rà soát và thực hiện đề xuất UBND tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Định.

9. Công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số y tế

- Triển khai thực hiện các giải pháp nhằm góp phần tiếp tục nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (Par Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023.

- Xây dựng hệ thống thông tin y tế tại các đơn vị trực thuộc Sở đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng theo hồ sơ cấp độ an toàn thông tin được phê duyệt.

- Triển khai thực hiện hồ sơ bệnh án điện tử tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh theo lộ trình của Bộ Y tế.

- Ban hành Kế hoạch thực hiện rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ của ngành Y tế năm 2023.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai các nền tảng số y tế trong quản lý, chăm sóc sức khỏe người dân và hình thành kho dữ liệu quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử tại tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Xây dựng Kho dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử ngành Y tế tỉnh Bình Định được cập nhật từ các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

10. Công tác thanh tra, kiểm tra

- Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong công tác tiếp công dân; giải quyết đơn thư khiếu nại; tố cáo; phòng, chống tham nhũng; Thực hành tiết kiệm chống lãng phí; thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra tại 02 đơn vị.

- Tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về việc chấp hành các quy định pháp luật trong phòng, chống dịch COVID-19; hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, tiêm vắc xin, kinh doanh thuốc và sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm, thực phẩm chức năng; kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì an toàn thực phẩm,... thực hiện Quy chế thường trực, cấp cứu tại các đơn vị khám bệnh, chữa bệnh.

- Thanh tra hoạt động khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm Y tế tại 02 đơn vị; việc quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và tiền chất dùng làm thuốc trong y tế tại 02 đơn vị, *việc chấp hành các quy định về quản lý giá thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người và thực hành tốt phân phối thuốc - GDP* 04 cơ sở, việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng trang thiết bị y tế tại 02 đơn vị.

- Tiên hành kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện đạo đức công vụ, văn hóa công sở tại các đơn vị trực thuộc.

- Tổ chức tiếp dân định kỳ và giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Phần 3 ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. KIẾN NGHỊ VỚI HĐND VÀ UBND TỈNH

1. Tiếp tục quan tâm đầu tư kinh phí để xây mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

2. Tiếp tục tăng kinh phí cấp hàng năm để mua sắm trang thiết bị y tế.

3. Cấp kinh phí để thực hiện chuyển đổi số y tế, đặc biệt là quan tâm cấp kinh phí để thực hiện bệnh án điện tử tại BVĐK tỉnh (*phải hoàn thành trong năm 2023 theo quy định của Bộ Y tế đối với bệnh viện hạng I*), thực hiện hoạt động y tế từ xa.

II. KIẾN NGHỊ VỚI BỘ Y TẾ

1. Trình Chính phủ xem xét, sửa đổi Luật Bảo hiểm y tế và ban hành Luật Dân số.

2. Trình Chính phủ ban hành chế độ tiền lương thích hợp cho công chức, viên chức, nhân viên ngành Y tế; ban hành chế độ phụ cấp thâm niên nghề cho công chức, viên chức, nhân viên y tế.

3. Phối hợp Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các bộ liên quan sớm ban hành chính sách thu hút, ưu đãi và chế độ đặc thù đối với đội ngũ nhân lực y tế công tác, làm việc tại tuyến y tế cơ sở (huyện, xã) và lĩnh vực y tế dự phòng.

4. Tăng ngân sách từ Trung ương hỗ trợ về cho tỉnh để thực hiện nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị cho các cơ sở y tế huyện, xã.

5. Ban hành văn bản thay thế Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước; Hướng dẫn cụ thể việc xác định số người làm việc tại trạm y tế xã; Ban hành các quy định về xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập

6. Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ liên quan sớm thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế; sửa đổi Nghị định số 60/2021/NĐ-CP Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Bộ Y tế
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; (báo cáo)
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Ban VHXH, HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính, KH-ĐT;
- Cục Thống kê tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng, Văn phòng, Thanh tra Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Hùng